

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN

Giấy đăng ký kinh doanh số 0302598530 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/04/2002, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 29/10/2016



SEASPIMEX

Địa chỉ: 213 Hòa Bình, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 37608215 Fax: 08 37608213

Website: <http://seaspimex.com.vn/>

Tổ chức tư vấn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3911.8014 Fax: 08 2220.1209

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Lâm Thị Thu Thảo

Chức vụ: Phó phòng Hành chính – Nhân sự

Số điện thoại: 08 37608215

Số fax: 08 37608213

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN

Giấy đăng ký kinh doanh số 0302598530 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/04/2002, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 29/10/2016



SEASPIMEX

Địa chỉ: 213 Hòa Bình, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 37608215 Fax: 08 37608213
Website: <http://seaspimex.com.vn/>

Tổ chức tư vấn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3911.8014 Fax: 08 2220.1209

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Lâm Thị Thu Thảo

Chức vụ: Phó phòng Hành chính – Nhân sự

Số điện thoại: 08 37608215

Số fax: 08 37608213



MỤC LỤC

I. CÁC KHÁI NIỆM	2
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA SEASPIMEX	3
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	3
2. Cơ cấu tổ chức và quản lý	5
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5%, danh sách cổ đông sáng lập, cơ cấu cổ đông	13
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Seaspimex, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Seaspimex	14
5. Hoạt động kinh doanh	14
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2014-năm 2015 và 9 tháng năm 2016	18
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	20
8. Chính sách đối với người lao động	21
9. Chính sách cổ tức	23
10. Tình hình tài chính	23
11. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	29
12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Seaspimex	30
13. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	30
14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Seaspimex	32
III. QUẢN TRỊ CÔNG TY	32
1. Hội đồng quản trị	32
2. Ban kiểm soát	38
3. Giám đốc và các cán bộ quản lý	42
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	45
IV. PHỤ LỤC	45

I. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ viết tắt và các từ ngữ được dùng trong bản thông tin tóm tắt này được hiểu như sau:

- ✓ Seaspimex: Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản
- ✓ Công ty đại chúng: Công ty có quy mô vốn từ 10 tỷ đồng trở lên và có từ 100 cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông.
- ✓ Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- ✓ Cổ phiếu: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
- ✓ Cổ đông: Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
- ✓ Sàn giao dịch Upcom: Là nơi giao dịch các cổ phiếu của các Công ty đại chúng chưa niêm yết đăng ký Giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- ✓ UBND: Ủy ban nhân dân
- ✓ CTCP: Công ty cổ phần
- ✓ TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- ✓ XNK: Xuất nhập khẩu
- ✓ KH: Kế hoạch
- ✓ VTNL: Vật tư nguyên liệu
- ✓ HĐQT: Hội đồng quản trị
- ✓ ĐHCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- ✓ Ban TGD: Ban Tổng Giám đốc
- ✓ BKS: Ban kiểm soát
- ✓ QLCL&NCSP: Quản lý chất lượng và nghiên cứu sản phẩm
- ✓ BP: Bộ phận
- ✓ KD: Kinh doanh
- ✓ GCN ĐKKD: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- ✓ CMT: Chứng minh thư
- ✓ CMND: Chứng minh nhân dân
- ✓ BCTC: Báo cáo tài chính
- ✓ TSLĐ: Tài sản lưu động
- ✓ HTK: Hàng tồn kho
- ✓ TCKT: Tài chính kế toán
- ✓ VND: Ký hiệu đồng tiền Việt Nam.

5985

ĐĂNG T
Ổ PH
Ả
ĐẶC

THỦ T

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA SEASPIMEX

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Seaspimex

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản
- Tên tiếng Anh: Special Aquatic Products Joint Stock Company
- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản
- Tên viết tắt: **SEASPIMEX – VIỆT NAM**



- Logo: **SEASPIMEX**
- Trụ sở chính: 213 Hòa Bình, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ giao dịch: 213 Hòa Bình, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08 37608215
- Fax: 08 37608213
- Email: bhmarketing@seaspimex.vnn.vn
- Website: <http://seaspimex.com.vn/>
- Vốn điều lệ đăng ký: 108.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp: 108.000.000.000 đồng
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 17/07/2007
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 0302598530 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/04/2002, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 29/10/2016.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Công Đức - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
- Lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm thủy sản và súc sản.

1.2. Giới thiệu về chứng khoán giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: SPV
- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 10.800.000 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch (theo mệnh giá): 108.000.000.000 đồng
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật của Công ty: Không có

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài: Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2015 do Bộ tài chính ban hành về việc hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm ngày 30/11/2016, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 321.680 cổ phần phổ thông, tương ứng 2,98% vốn điều lệ.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

↓ Ngày 01/09/1983, CTCP Thủy đặc sản tiền thân là Công ty Xuất Nhập Khẩu Thủy Đặc Sản, được hình thành trên cơ sở tách phòng Kinh Doanh của Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam đánh dấu một bước phát triển lớn mạnh của Seaspimex nói riêng và Tổng Công ty Thủy sản nói chung.

↓ Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản được cổ phần hóa năm 2002 là đơn vị đầu tiên (doanh nghiệp Nhà Nước) thuộc Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam được chọn **cổ phần hóa với vốn Nhà Nước chỉ còn chiếm 18%**.

↓ Ngày 15/04/2002 Công ty Cổ Phần Thủy Đặc Sản chính thức được thành lập với số vốn điều lệ là 68 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0302598530 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp,

↓ Năm 2007, Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ từ 68 tỷ đồng lên 108 tỷ đồng, quá trình tăng vốn hoàn tất và được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 theo vốn điều lệ mới ngày 24/09/2007.

↓ Năm 2008, thực hiện chủ trương di dời của UBND thành phố Hồ Chí Minh, công ty đã di dời nhà máy tại 213 Hòa Bình, phường Hòa Thạnh, đến B23/63 Hoàng Phan Thái, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Nhà máy mới có qui mô đầu tư 220 tỷ đồng (thời điểm 2008), công suất 15.000 tấn sản phẩm/năm với hơn 1.000 công nhân.

↓ Trải qua 30 năm hình thành và phát triển Seaspimex đã góp phần không nhỏ vào công cuộc đổi mới của đất nước. Không chỉ tập trung vào kinh doanh, giải quyết công ăn việc làm, chăm lo tốt đời sống của người lao động, công ty còn coi trọng việc đóng góp vào các hoạt động xã hội. Các sản phẩm gắn với thương hiệu Seaspimex đã được người tiêu dùng trong và ngoài nước tin dùng, và là một trong những thương hiệu mạnh trên thị trường. Hiện các sản phẩm mang thương hiệu Seaspimex đã có mặt tại tất cả các siêu thị, cửa hàng bán lẻ, và các đại lý phân phối trên toàn quốc. Ngoài ra công ty còn kinh doanh dịch vụ cho thuê kho lạnh, sân bãi, ủy thác xuất nhập khẩu. Công ty đã được Nhà Nước khen tặng :

- ✓ Huân chương lao động hạng nhì của Chủ tịch nước ngày 30/07/1993.
- ✓ Huân chương lao động hạng nhất của Chủ tịch nước ngày 29/09/1997.
- ✓ Danh hiệu “**Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới**” của Chủ tịch nước ngày 26/10/2000

↓ Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Công ty đại chúng ngày 17/07/2007.

1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ của công ty

Ngày 15/04/2002, Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302598530 với vốn điều lệ đăng ký ban đầu là **68.000.000.000 đồng**.

Ngày 27/04/2006, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản đã thông qua việc tăng vốn điều lệ từ **68.000.000.000 đồng** lên **108.000.000.000 đồng** theo hình thức phát hành thêm cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng. Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên **108.000.000.000 đồng** và được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 theo vốn điều lệ mới ngày 24/09/2007.

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	24/09/2007	40	108	phát hành thêm cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng	-Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 27/04/2007 về việc tăng vốn - Thông báo số 142/SPM ngày 16/05/2007 của HĐQT về việc triển khai phát hành cổ phiếu để tăng vốn. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302598530 thay đổi lần thứ 5

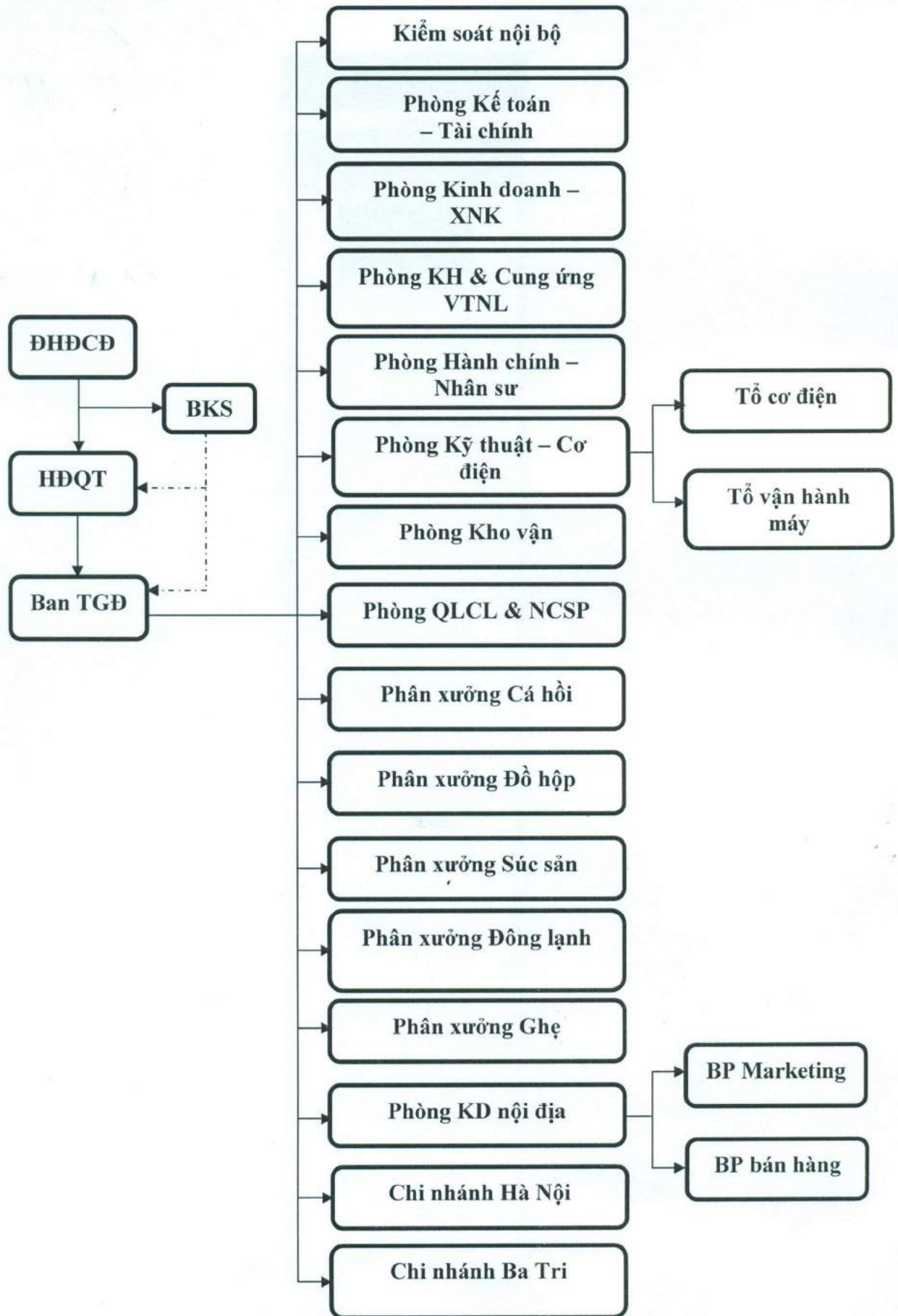
Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản

* Đợt phát hành tăng vốn nêu trên, Công ty đã vi phạm quy định của Luật chứng khoán do không thực hiện nộp hồ sơ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước để xin ý kiến trước khi thực hiện. Công ty đã bị Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước ra quyết định xử phạt hành chính, tuy nhiên Công ty đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán số tiền phạt đầy đủ theo đúng thời gian quy định.

Cho tới hiện tại, Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản vẫn hoạt động theo đúng số vốn điều lệ là **108.000.000.000 đồng**.

2. Cơ cấu tổ chức và quản lý

Sơ đồ tổ chức và điều hành của Seaspimex được thể hiện cụ thể trong bảng sau:



(Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản)

Chức năng nhiệm vụ chính:

2.1. Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 02.

Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 23 Điều lệ này, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
- p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt

Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu, Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

- a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này.
- f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
- g. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- h. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- i. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 47 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- j. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.



- k. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- l. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- m. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.4. Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.
- Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.
- Các Phó Tổng Giám đốc thực hiện điều hành chức năng công việc và chịu sự giám sát trực tiếp từ Tổng Giám đốc. Chức năng công việc được điều chỉnh phù hợp theo từng thời kỳ.

2.5. Các bộ phận chức năng:

a. Phòng kiểm soát nội bộ:

- Kiểm tra, đánh giá tài chính trong quá trình hoạt động của Công ty;
- Xác nhận việc tuân thủ pháp luật, tuân thủ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông mà Ban điều hành đã và đang thực hiện trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kiến nghị giải pháp quản lý rủi ro tiềm tàng vốn có và có thể xảy ra trong hoạt động của Công ty;
- Kiến nghị giải pháp ngăn ngừa các sai phạm có thể xảy ra;
- Kiến nghị và giám sát khắc phục các sai phạm rủi ro trong mỗi bộ phận Phòng/Ban trong qua trình hoạt động của Công ty;
- Tổ chức xây dựng, kiểm tra, đánh giá độ tin cậy hiệu lực và hiệu quả của hệ thống các tài liệu quản trị, hệ thống quy trình tác nghiệp thực hiện công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Giám sát sự tuân thủ luật pháp và các quy định nội bộ của các Phòng/Ban;
- Đề ra biện pháp bảo đảm an toàn tài sản và nguồn vốn;
- Kiến nghị giải pháp khắc phục sai phạm và rủi ro.

b. Phòng kế toán tài chính:

- Tổ chức, chỉ đạo thực hiện công việc kế toán theo quy định Nhà nước;



Y
N
C
A
N
G

- Kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty;
- Lập hồ sơ vay vốn ngân hàng theo kế hoạch thanh toán các khoản chi phí phát sinh;
- Báo cáo kết quả kinh doanh hàng tháng cho Ban lãnh đạo;
- Tổ chức kiểm kê định kỳ theo quy định của Nhà nước, quy định của Công ty;
- Lưu trữ, bảo quản hồ sơ, chứng từ theo quy định nhà nước, quản lý hồ sơ giấy tờ có giá, bảo quản tiền mặt, hoặc vàng bạc đá quý (nếu có)

c. Phòng Kinh doanh – Xuất nhập khẩu:

- Thực hiện chức năng mua bán ngoại thương, giao nhận hàng hóa XNK, quản lý hàng gia công xuất khẩu và gia công nội địa;
- Tìm kiếm khách hàng cho 02 nhà máy, chào bán hàng, triển khai theo dõi đơn hàng;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về chính sách xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế và các hoạt động ngoại thương khác;
- Tham gia các hội chợ, triển lãm liên quan đến lĩnh vực hoạt động của nhà máy;
- Theo dõi công nợ khách hàng xuất khẩu, trong nước, gia công và dịch vụ;
- Báo cáo và lập kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.

d. Phòng Kế hoạch và Cung ứng VTNL:

- Thực hiện theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm;
- Cung ứng nguyên phụ liệu, vật tư cho sản xuất, vật tư sửa chữa, nhiên liệu cho máy móc thiết bị;
- Tiếp nhận các đơn đặt hàng xuất khẩu và nội địa, lập kế hoạch sản xuất và cung ứng nguyên phụ liệu, theo dõi tiến độ sản xuất tại các phân xưởng;
- Giao dịch với khách hàng, soạn thảo và thực hiện hợp đồng kinh tế mua bán nguyên phụ liệu, dịch vụ;
- Theo dõi tình hình giá cả thị trường đề xuất giá mua đầu vào trình Ban Tổng Giám đốc quyết định;
- Báo cáo tổng kết thực hiện sản xuất kinh doanh hàng năm cho ban TGD, HĐQT, ĐHĐCĐ.

e. Phòng Hành chính – Nhân sự

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác tổ chức, lao động tiền lương, công tác thi đua khen thưởng, quản lý hành chính, ý tế và chăm sóc sức khỏe Người lao động;
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện tốt công tác bảo vệ trật tự và an toàn tài sản của Công ty;
- Kết nối liên lạc giữa các bộ phận với Ban Tổng Giám đốc;

25
CỘT
CỔ
THU
PH

25
N
PH

- Quy hoạch cán bộ, tham mưu cho Tổng Giám đốc quyết định đề bạt và phân công cán bộ lãnh đạo và quản lý của Công ty;

- Quản lý và khai thác các mặt bằng của Công ty;

- Quản lý và đảm bảo hoạt động hệ thống mạng thông tin của Công ty.

f. Phòng Kỹ thuật – Cơ điện

- Quản lý máy móc thiết bị phục vụ sản xuất;

- Phối hợp với các Phòng/Ban liên quan đảm bảo việc hoạt động của máy móc thiết bị phục vụ sản xuất.

g. Phòng Kho vận

- Quản lý việc xuất – nhập hàng theo yêu cầu của Công ty và khách hàng;

- Quản lý hệ thống kho: Thành phẩm, bán thành phẩm, nguyên liệu, vật tư bao bì...

- Đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất kết hợp kinh doanh kho lạnh hiệu quả.

h. Phòng Quản lý Chất lượng và Nghiên cứu Sản phẩm

- Là phòng chức năng trong khung tổ chức của Công ty, giúp việc cho Tổng Giám đốc về công tác Quản trị chất lượng;

- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng thị trường tiêu thụ;

- Xây dựng, tổ chức triển khai kế hoạch và kiểm tra quá trình thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng;

- Tham mưu cho Tổng giám đốc điều chỉnh các nội dung thuộc kế hoạch quản lý chất lượng phù hợp với thực tiễn sản xuất và phát triển của Công ty.

i. Phòng Kinh doanh nội địa

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc xây dựng chiến lược kinh doanh tại thị trường nội địa, bao gồm: Đối tác, kênh phân phối, thị trường, giá bán, mặt hàng mới theo nhu cầu khách hàng, marketing (thương hiệu, nhãn hiệu, bán hàng, quan hệ công chúng, chiến lược giá, khuyến mãi, lập kế hoạch phục vụ khách hàng tốt hơn đối thủ);

- Triển khai công tác bán hàng, truyền thông, quản trị website của Công ty (nội dung Marketing).

j. Các phân xưởng sản xuất:

Các phân xưởng sản xuất gồm: Phân xưởng Cá hồi, Phân xưởng đồ hộp, Phân xưởng Súc sản, Phân xưởng Đông lạnh – Hàng khô, Phân xưởng Ghẹ. Chức năng, nhiệm vụ chính:

- Các phân xưởng thực hiện nhiệm vụ sản xuất theo từng ngành hàng và chịu sự điều phối trực tiếp từ Ban Tổng Giám đốc.

- Tổ chức quản lý nhà xưởng, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất;

- Xây dựng chương trình cải tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

k. Chi nhánh Hà Nội:

785
IG
PHI
ĐẶC
S.Đ.K.K.Đ.Đ.

C.T.C.P.

- Địa chỉ: 101 Tập Thể Bộ Thủy Sản. Ngõ 20 Nguyễn Công Hoan, Quận Ba Đình, Hà Nội.

- Chức năng chính: Là đơn vị thay mặt công ty Seaspimex, các nhà máy chế biến ... quản lý, ký kết các hợp đồng và bán hàng cho thị trường từ thành phố Vinh trở ra miền Bắc.

Là đơn vị kiểm soát, giúp ổn định thị trường phía Bắc và thị trường chung của công ty.

1. Chi nhánh Ba Tri:

- Địa chỉ : Xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

- Chịu sự điều hành trực tiếp từ Ban Tổng Giám đốc.

- Sản xuất, chế biến các sản phẩm hải sản đông lạnh như tôm càng, bạch tuộc, đù ếch.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5%, Danh sách cổ đông sáng lập, Cơ cấu cổ đông

3.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 30/11/2016

Số TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	523	10.478.320	97,02
1	Tổ chức	518	7.852.810	70,21
2	Cá nhân	5	2.895.510	26,81
II	Cổ đông nước ngoài	14	321.680	2,98
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	14	321.680	2,98
III	Tổng cộng	537	10.800.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty chốt ngày 30 tháng 11 năm 2016)

3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần điều lệ Seaspimex như sau:

St t	Tên cổ đông	Số CMT/Hộ chiếu/GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	0310745210	22-24-26 Mạc Thị Bưởi, Q.1, TP.HCM	1.944.000	18,00
2	Cao Thanh Định	022863763	B68 Nam Thông 2, Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM	1.120.000	10,37
Tổng cộng				3.064.000	28,37

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty chốt ngày 30 tháng 11 năm 2016)

3.3. Danh sách cổ đông sáng lập

Không có

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Seaspimex, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Seaspimex

4.1. Công ty mẹ và các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần kiểm soát trong Seaspimex: Không có

4.2. Danh sách công ty con và các Công ty trong đó Seaspimex nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần kiểm soát: Không có

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm chính

Với đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực ngành thủy hải sản, ngay từ giai đoạn đầu, Công ty đã đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Cùng với đó là phương trâm các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm không chỉ trong nước mà còn tại thị trường các nước xuất khẩu. Năm 2014, sản phẩm của Công ty được Hội Doanh nghiệp Việt Nam chất lượng cao – Báo Sài Gòn tiếp thị cấp giấy chứng nhận đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao 2014 do người tiêu dùng bình chọn đối với ngành hàng đóng hộp. Năm 2016, Công ty tiếp tục được Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Các sản phẩm chính của Công ty bao gồm: Sản phẩm đã chế biến đóng hộp như cá trích và cá ngừ, pa tê gan, xiu mại, bò xay sót cà, heo 2 lát. Các sản phẩm đóng gói như xúc xích heo, xúc xích bò. Các sản phẩm đông lạnh như đùi ếch, còng ghẹ, cá hồi phi lê, xiu mại. Tuy nhiên dòng sản phẩm chủ lực vẫn là dòng cá ngừ đóng hộp. Sản phẩm của Công ty vẫn phục vụ chủ yếu cho thị trường xuất khẩu.

Bên cạnh đó, Công ty phát triển mạnh mẽ dịch vụ gia công cho các khách hàng nước ngoài, sản phẩm gia công chủ yếu hiện nay là chà bông cá hồi. Các nguyên liệu được nhập trực tiếp từ nước ngoài theo yêu cầu của khách hàng, sau đó được xử lý và đóng gói tại nhà máy trước khi xuất khẩu lại các thị trường theo cam kết trong hợp đồng.

Các dòng sản phẩm chính của công ty bao gồm:

a. Sản phẩm nội địa:

↓ **Dòng sản phẩm cá hộp:**



Cá sốt cà



Cá ngừ sốt cay



Cá ngừ thịt trắng
ngâm dầu Olive



Cá ngừ ngâm dầu



Cá ngừ ngũ sắc
ngâm dầu



Cá ngừ đại dương
ngâm dầu



Cá ngừ ngâm nước
muối

⚡ Dòng sản phẩm xúc sản:



Pate gan



Bò xay sốt cà



Xiu mại sốt cà



Heo 2 lát

⚡ Dòng sản phẩm xúc xích:



Xúc xích heo dinh dưỡng Thánh Gióng



Xúc xích heo



Xúc xích heo cười



Xúc xích bò

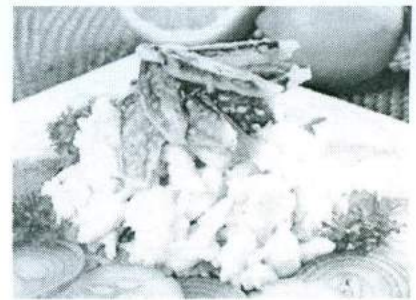
✦ Dòng sản phẩm đông lạnh:



Đùi ếch đông lạnh



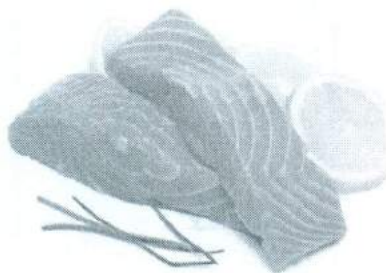
Chà bông cá hồi



Càng Ghẹ



Xíu mại tươi



Cá hồi fillet

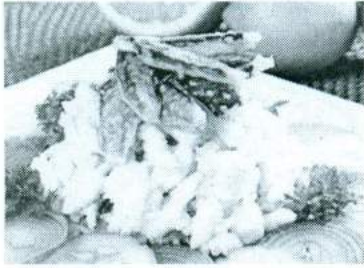


Cá trứng

b. Sản phẩm xuất khẩu:

✦ Dòng sản phẩm đông lạnh:

0259
CÔNG
CỔ P
THỦY F
V PHỦ



Frozen Crab Meat



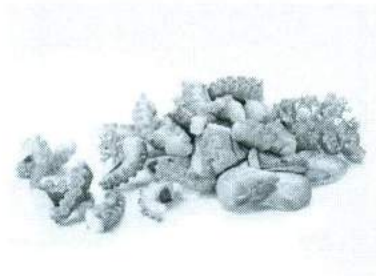
Frozen Half cut Swimming Crab



Frozen Whole Clean Octopus



Frozen raw cut Octopus



Frozen boiled cut Octopus



Clam (Whole & Meat)



Squid Ring



Scallop Meat



Hoso Scampi

✦ Dòng sản phẩm đồ hộp:



Canned Tuna



Canned Pasteurized Swimming Crabmeat

530.
TY
HÂN
ẶC SA
PHỒ

1
3
2
10
11

5.2. Hoạt động marketing

- Công tác marketing được công ty khá trú trọng, công ty thành lập bộ phận phụ trách thuộc phòng Kinh doanh nội địa thực hiện các hoạt động marketing như: Xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm; Chiến lược bán hàng (kênh phân phối, chính sách cho hệ thống phân phối,...); Quan hệ công chúng; Xây dựng chiến lược giá; Các chương trình khuyến mãi; Nghiên cứu về đối thủ cạnh tranh,...

- Công ty đã xây dựng được hệ thống phân phối qua các kênh siêu thị lớn như: Siêu thị Coop Mart, Siêu thị Metro, Siêu thị Emart, Siêu thị Aeon Mall, Siêu thị VinMart, Siêu thị Lotte Mart, Siêu thị Big C, Siêu thị Giant. Đây là hệ thống kênh phân phối các mặt hàng hải sản khá hiệu quả. Bên cạnh đó, công ty đã xây dựng hệ thống website nhằm quảng bá giới thiệu sản phẩm của công ty, khách hàng qua đó tìm hiểu và tiếp cận được nhanh nhất.

- Trong thời gian tới, tập trung đẩy mạnh các hoạt động marketing nhằm quảng bá các sản phẩm dịch vụ của công ty tới người tiêu dùng nội địa thông qua các kênh báo đài, hoạt động hội trợ triển lãm. Với thị trường xuất khẩu, công ty đẩy mạnh hoạt động tham dự các hội trợ triển lãm hàng thủy sản xuất khẩu tại các thị trường mục tiêu nhằm tìm kiếm các đối tác lớn cho hoạt động gia công và xuất khẩu.

5.3. Các nhãn hiệu, sáng chế được đăng ký và bản quyền

Logo của Seaspimex đã được khách hàng, đối tác biết đến rộng rãi với hình ảnh, màu sắc đặc trưng như sau:



6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014-năm 2015 và 9 tháng năm 2016

6.1. Tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm	9 tháng năm 2016
Tổng giá trị tài sản	536.664.008.193	412.758.986.854	-23,09%	371.725.562.135
Vốn chủ sở hữu	131.660.319.343	111.293.123.611	-15,47%	127.113.361.504
Doanh thu thuần	591.762.291.920	534.812.105.775	-9,62%	438.610.441.426
Lợi nhuận khác	(772.711.286)	(653.611.040)	-	(179.247.469)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	16.471.171.590	(13.272.618.303)	-180,58%	16.176.773.840

Lợi nhuận trước thuế	15.698.460.304	(13.926.229.343)	-188,71%	15.997.526.371
Lợi nhuận sau thuế	9.619.629.688	(14.005.232.763)	-245,59%	15.820.237.892
Giá trị sổ sách	12.191	10.305	-15,47%	11.770
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	56,13%	0%	-100%	-

(Nguồn: BCTC năm 2015 đã kiểm toán & BCTC 9 tháng 2016 tự lập của Công ty,)

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14/05/2016, các cổ đông Công ty đã biểu quyết thông qua việc không thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 của Công ty.

➤ Ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2015:

Vấn đề cần nhấn mạnh:

- Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến việc thực hiện Quyết định số 5716/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi lại quyền sử dụng đất 16.379 m² tại số 213 đường Hòa Bình, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số VII.5:

- Công ty đã nhận ứng trước theo thỏa thuận hợp tác kinh doanh với trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng 50 tỷ đồng theo văn bản thỏa thuận hợp tác đầu tư số 363/2010/TT_SEA-HB ngày 29/10/2010. Công ty đã ghi nhận số tiền này vào thu nhập vào các năm 2007, 2009 và 2010. Dự án vẫn chưa được triển khai, hợp đồng chính thức chưa được hai bên ký. Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng yêu cầu Công ty phải trả số tiền ứng trước và tiền lãi. Đồng thời, Công ty còn nợ phải thu với Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng liên quan tới khoản thuê khu đất này với số tiền lũy kế đến 31/12/2015 là 29.862.429.489 VND. Tuy nhiên, hiện hai bên vẫn còn tranh chấp về vụ việc này.

- Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định số 5716/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 về việc thu hồi lại quyền sử dụng đất 16.379 m² tại số 213 đường Hòa Bình, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh do quá thời hạn triển khai dự án. Ngoài ra, trong Quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty phải nộp toàn bộ lợi nhuận phát sinh từ việc cho thuê lại mặt bằng vào ngân sách nhà nước. Công ty đang khiếu nại Quyết định thu hồi này.

6.2. Những yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015

6.2.1. Thuận lợi:

- Công ty đã tiến hành tái cấu trúc công ty, bộ máy lãnh đạo có một số sự thay thế mới, với những thành viên có năng lực và kinh nghiệm chuyên môn cao. Công ty đã từng bước khắc phục các tồn tại, kiện toàn bộ máy tạo động lực để thúc đẩy hoạt động sản xuất và quản lý có hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

- Các cán bộ công nhân viên Công ty tiếp tục gắn bó lâu dài, nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, tin tưởng vào định hướng phát triển lâu dài của Ban điều hành.

- Các khách hàng gia công tiếp tục cam kết gia tăng sản lượng, chú trọng sản phẩm giá trị gia tăng, giảm xuất sản phẩm thô (sơ chế) như các năm trước. Công ty có thêm các đối tác gia công nước ngoài lâu dài.

- Các biện pháp tiết kiệm chi phí, tập trung sản xuất các mặt hàng có thể mạnh, bước đầu đã đem lại hiệu quả như dự kiến ban đầu của ban lãnh đạo công ty.

6.2.2. Khó khăn:

- Tình hình kinh tế thế giới trong năm 2015 vẫn gặp nhiều khó khăn, tỉ giá USD so với tiền đồng tăng gây khó khăn cho các nhà nhập khẩu. Tình hình xuất khẩu cá ngừ sụt giảm mạnh về giá, đặc biệt cá ngừ đóng hộp Thái Lan liên tiếp giảm trong năm 2015 gây khó khăn cho các doanh nghiệp cùng ngành tại Việt Nam trong đó có Seaspimex.

- Việt Nam không còn trong danh sách các nước được hưởng ưu đãi thuế quan cho sản phẩm cá ngừ nhập khẩu vào EU do đó để cạnh tranh khi thâm nhập vào thị trường này bắt buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải giảm giá mạnh dẫn đến hiệu quả kinh doanh kém hoặc tìm thị trường thay thế.

- Các thị trường xuất khẩu khác: ghe, bạch tuộc ổn định tuy nhiên vẫn gặp phải các rào cản về kỹ thuật từ các quốc gia nhập khẩu. Thị trường đù ếch có sự sụt giảm mạnh về giá xuất khẩu và nhu cầu, đặc biệt là các size lớn 4/6 và 6/8 trong khi tồn kho lớn và giá trị cao.

- Sản lượng đánh bắt tự nhiên sụt giảm, chất lượng nguyên liệu không ổn định và tiềm ẩn rủi ro do ngư dân vẫn sử dụng các hóa chất cấm trong bảo quản nguyên liệu sau đánh bắt.

- Tình hình tài chính của Công ty vẫn tiếp tục khó khăn do phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay ngắn hạn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Vốn vay trung hạn cho đầu tư vẫn chưa có khả năng thanh khoản.

- Ngày 18/02/2015 Nhà máy Bình Chánh đã xảy ra sự cố sập trần kho lạnh trung tâm 2.000 tấn đến cuối tháng 05/2015 kho lạnh mới hoạt động trở lại. Sự cố này ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất của Nhà máy do: tập trung xử lý hàng hóa, sửa chữa lại kho lạnh, kiểm kê lại hàng hóa sau khi vận chuyển đi về, ổn định hoạt động sản xuất cho khách hàng gia công... Mặc dù tài sản hàng hóa trong kho đã được mua bảo hiểm rủi ro, tuy nhiên việc giải quyết bồi thường kéo dài. Số tiền bồi thường nhận được thấp hơn nhiều so với thiệt hại thực tế do tỉ lệ mua bảo hiểm thấp dưới giá trị tài sản hàng hóa.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của công ty trong ngành:

- Seaspimex là doanh nghiệp trong ngành thủy sản với hơn 30 năm hoạt động trong ngành. Công ty có thế mạnh về dây chuyền hiện đại. Các sản phẩm gắn với thương hiệu Seaspimex đã được người tiêu dùng trong và ngoài nước tin dùng, và là một trong những



11/01/2015

thương hiệu mạnh trên thị trường. Hiện các sản phẩm mang thương hiệu Seaspimex đã có mặt tại tất cả các siêu thị, cửa hàng bán lẻ và các đại lý phân phối trên toàn quốc.

- Các sản phẩm của công ty tập trung chủ yếu qua sơ chế và chế biến. So với các đơn vị trong ngành, quy mô thị phần hiện nay của Công ty còn hạn chế, công ty đang từng bước mở rộng mạng lưới kênh phân phối, gia tăng thị phần tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành:

- Việt Nam tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) sẽ là cơ hội mở ra rất lớn cho hoạt động xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam, hiện tại hiệp định TPP đang chờ các quốc gia thành viên phê chuẩn, khi hiệp định được thông qua toàn bộ, kỳ vọng hoạt động xuất khẩu thủy sản Việt Nam sẽ tăng trưởng tốt, riêng năm 2015 ước tính tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường các nước tham gia đàm phán TPP đạt gần khoảng 3 tỉ USD, chiếm 46% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.

- Từ năm 2016, việc tham gia cộng đồng ASEAN cũng như một số hiệp định thương mại tự do thế hệ mới sẽ tác động tích cực đến ngành hàng thủy sản trong việc gia tăng đầu tư, mở rộng thị phần, thúc đẩy sản xuất trong nước, tăng hàm lượng chế biến và có nhiều cơ hội phát triển hơn. Ngoại trừ surimi, cá ngừ đóng hộp, thăn cá ngừ và cua là những mặt hàng hoặc phải có hạn ngạch (trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU - EVFTA), hoặc lộ trình giảm thuế dài từ 7-10 năm, còn lại hầu hết các mặt hàng đều sẽ có mức thuế bằng 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực hoặc có lộ trình ngắn chỉ 3-5 năm.

- Ngoài ra, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Hàn Quốc được ký kết sẽ giúp nâng khả năng cạnh tranh của Việt Nam với Trung Quốc, Thái Lan và Ecuador (đang phải chịu thuế 20%). Hàn Quốc cam kết cấp hạn ngạch thuế quan 10.000 tấn tôm cho Việt Nam trong năm đầu tiên và đạt 15.000 tấn sau 5 năm với thuế suất nhập khẩu 0%. Hạn ngạch này có hiệu lực vào đầu năm 2016, trong khi cả ASEAN cũng chỉ có chung hạn ngạch 5.000 tấn/năm dành cho 10 nước. Riêng mặt hàng tôm được cắt giảm 7 dòng thuế bao gồm cả tôm nguyên liệu và tôm chế biến. Mặt hàng cá ngừ và thủy sản khác quy trình cắt giảm theo lộ trình 3-10 năm. Mặt hàng cá tra và mực, bạch tuộc hầu như về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

- Khi Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Hải quan (gồm Nga, Belarus và Kazakhstan) đi vào thực thi, thủy sản sẽ là nhóm hàng được hưởng ưu đãi thuế ngay lập tức. Hầu hết các sản phẩm thủy sản đều được bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Trong khi Nga đang áp dụng lệnh cấm nhập khẩu thực phẩm từ các nước phương Tây và một số nước khác, Việt Nam sẽ có cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản để bù đắp thiếu hụt tại thị trường này.

- Về thị trường nội địa: Theo tính toán của Cục Chế biến Nông lâm thủy sản và Nghề muối, sản lượng thủy sản tiêu thụ nội địa tăng trung bình 7% mỗi năm, trong khi giá trị tiêu thụ lại tăng 14% mỗi năm, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thủy sản đã qua chế biến ngày một tăng, đây là tín hiệu khá tích cực để mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm thủy sản tại thị trường nội địa, một thị trường tiềm năng cực lớn với hơn 90 triệu dân.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Cơ cấu lao động trong công ty:

Tính đến ngày 31/12/2015 Công ty có 1.029 cán bộ công nhân viên. Tại thời điểm 30/11/2016, công ty có 1.020 cán bộ công nhân viên. Phân loại cụ thể như trong bảng sau:

Stt	Trình độ	Số lao động (người)		Số lao động (người)	
		31/12/2015	Tỷ lệ (%)	30/11/2016	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo thời hạn hợp đồng:	1.029	100	1.020	100
1	Hợp đồng không thời hạn	509	49,5	525	51,5
2	Hợp đồng có thời hạn	520	50,5	495	48,5
II	Phân loại theo trình độ	1.029	100	1.020	100
1	Đại học	67	6,5	71	7,0
2	Cao đẳng	26	2,5	26	2,5
3	Trung cấp	77	7,5	77	7,5
4	Công nhân kỹ thuật, lái xe	16	1,6	16	1,6
5	Lao động phổ thông	843	81,9	830	81,4

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản)

8.2. Chính sách tuyển dụng - đào tạo, lương thưởng, phúc lợi

- Chính sách tuyển dụng - đào tạo:

+ Chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao: Công ty ban hành các cơ chế chính sách hấp dẫn để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, ưu tiên xây dựng nguồn đội ngũ lãnh đạo kế cận để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

+ Công ty đặt mục tiêu duy trì ổn định số lượng người lao động, từng bước tuyển dụng thêm dựa vào quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã ban hành quy trình tuyển dụng để đảm bảo việc thực hiện tuyển chọn người lao động được công khai, công bằng và minh bạch, tuyển đúng người có năng lực trình độ chuyên môn vào đúng vị trí cần tuyển dụng.

+ Hàng năm công ty đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng mới dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh, qua đó chủ động trong việc đảm bảo nguồn nhân lực cho công ty. Bên cạnh đó kế hoạch đào tạo cũng được ban hành theo quy trình cụ thể, liên tục được cập nhật để đáp ứng với yêu cầu của quá trình phát triển của công ty

+ Hoạt động đào tạo: Người lao động tuyển dụng mới được đào tạo nghiệp vụ chuyên môn, đặc biệt là các công tác an toàn lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm bắt buộc phải nắm rõ và tuân thủ chặt chẽ. Định kỳ hàng năm người lao động được đào tạo bổ sung chuyên môn và các kiến thức có liên quan để đáp ứng sự nhu cầu công việc.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

+ **Chính sách lương:** Được xây dựng dựa trên trình độ nghiệp vụ chuyên môn của người lao động và thâm niên công tác. Giữa các bộ phận và đơn vị khác nhau, tùy vào mức độ yêu cầu của công việc sẽ được hưởng mức lương xứng đáng theo khả năng hoàn thành công việc. Công ty luôn đặt phương trâm người lao động sẽ được hưởng lương xứng đáng với thành quả lao động mà họ thực hiện được. Thu nhập bình quân hàng năm của người lao động trong công ty như sau:

Dvt: Đồng/người/tháng

Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016 (dự kiến)
4.920.000	4.502.000	5.018.000

+**Chính sách khen thưởng:** Hàng năm công ty tổng kết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, các cá nhân và bộ phận hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch đều được công ty xem xét khen thưởng để động viên khuyến khích người lao động.

+**Chế độ phúc lợi:** Công ty thực hiện các chế độ phúc lợi cho người lao động theo đúng quy định của nhà nước. Người lao động được ký hợp đồng lao động, được hưởng các chế độ về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ tăng ca, chế độ ốm đau, thai sản.... Hàng năm công ty còn tổ chức đi du lịch cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

9. Chính sách cổ tức

Chính sách cổ tức của Công ty được thực hiện theo Quy định tại Điều lệ của Công ty và quy định tại luật doanh nghiệp. Cổ tức cụ thể được chia được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty, các cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2014 là 5%. Cổ tức đã được thực hiện thanh cho cổ đông thông qua hình thức chuyển khoản và thanh toán bằng tiền mặt trực tiếp tại văn phòng Công ty nhằm đáp ứng với điều kiện của từng cổ đông.

Năm 2015 công ty không tiến hành chia cổ tức do lợi nhuận sau thuế năm 2015 bị âm. Điều này đã được các cổ đông Công ty biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 theo nghị quyết số 36/16/NQ/TĐS/ĐHĐCĐ ngày 14/05/2016.

10. Tình hình tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2006 của Bộ Tài Chính. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

10.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định

a. Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Stt	Loại tài sản cố định	Thời gian (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
2	Máy móc và thiết bị	07 - 12
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
5	Tài sản cố định hữu hình khác	03

b. Tài sản cố định vô hình: Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- **Quyền sử dụng đất:** Bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời hạn không quá 50 năm.

- **Chương trình phần mềm:** Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 10 - 12 năm.

10.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc đảm bảo cam kết thực hiện thanh toán các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty ưu tiên đặt lên hàng đầu. Tuy nhiên tại thời điểm 31/12/2015 Công ty vẫn còn phát sinh khoản nợ quá hạn 11 tỷ đồng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 từ thời điểm trước cổ phần hóa theo hợp đồng tín dụng vay vốn thanh toán bù trừ công nợ số 132/TD – TT ngày 24 tháng 03 năm 1992 chưa được thanh toán. Tại thời điểm 30/09/2016, số tiền nợ quá hạn trên vẫn còn hiện hữu.

10.1.3. Các khoản phải nộp theo quy định

Công ty luôn tuân thủ đúng và đầy đủ trách nhiệm và các nghĩa vụ thanh toán các loại thuế, phí có liên quan theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Tại thời điểm 31/12/2014, 31/12/2015 và 30/09/2016, số dư các loại thuế, phí thể hiện cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	122.976.698	110.163.021	-
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-
3	Thuế xuất, nhập khẩu	365.472.074	-	2.277.877.705
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	736.485.550	12.670.813	-
5	Thuế thu nhập cá nhân	105.849.145	113.852.741	-
6	Thuế tài nguyên	1.800.000	2.172.000	-
7	Thuế nhà đất	2.992.594.176	2.967.990.354	-
8	Các loại thuế khác	-	-	-
	Tổng cộng	4.325.177.643	3.206.848.929	2.277.877.705

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC 9 tháng 2016 của CTCP Thủy Đặc Sản)

10.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Căn cứ theo kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm, Công ty sẽ tiến hành trích lập các quỹ, việc trích lập các quỹ được thực hiện theo quy định tại điều lệ Công ty và được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua. Số dư các quỹ của công ty qua các năm như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	249.355.651	1.009.238.620	969.238.620
2	Quỹ đầu tư phát triển	4.032.791.184	8.446.988.961	8.446.988.961
3	Quỹ dự phòng tài chính	1.528.308.871	-	-
	Tổng cộng	5.810.455.706	9.456.227.581	9.416.227.581

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC 9 tháng 2016 của CTCP Thủy Đặc Sản)

10.1.5. Tổng dư nợ vay

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:	205.131.982.347	120.451.133.203	95.652.464.281
1	Vay ngắn hạn ngân hàng	184.761.784.847	108.149.604.453	95.652.464.281
2	Vay dài hạn đến hạn trả	20.370.197.500	12.301.528.750	-
II	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	64.758.116.250	52.456.587.500	51.000.000.000
	Tổng cộng	269.890.098.597	172.907.720.703	146.652.464.281

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC 9 tháng 2016 của CTCP Thủy Đặc Sản)

Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I	Các khoản phải thu ngắn hạn			
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	96.636.221.428	68.314.215.861	86.409.908.226
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.331.537.590	3.796.839.654	6.554.756.781
3	Phải thu ngắn hạn khác	9.967.638.604	9.779.448.153	10.159.377.235
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.969.844.738)	(9.620.066.260)	(10.715.640.874)
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	103.965.552.884	72.270.437.408	92.408.401.368

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC 9 tháng 2016 của CTCP Thủy Đặc Sản)

Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I	Nợ ngắn hạn	340.245.572.600	249.009.275.743	193.612.200.631
1	Phải trả người bán ngắn hạn	103.723.858.868	95.707.574.327	57.983.672.626
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.527.775.639	6.964.419.288	11.359.111.939
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.325.177.643	3.206.848.929	3.845.364.456
4	Phải trả người lao động	15.067.428.589	13.513.688.398	15.267.780.238
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	5.913.179.962	6.612.128.917	7.084.760.409
6	Phải trả ngắn hạn khác	306.813.901	1.544.244.061	1.449.808.062
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	205.131.982.347	120.451.133.203	95.652.464.281
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	249.355.651	1.009.238.620	969.238.620
II	Nợ dài hạn	64.758.116.250	52.456.587.500	51.000.000.000
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	64.758.116.250	52.456.587.500	51.000.000.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC 9 tháng 2016 của CTCP Thủy Đặc Sản)

10.1.6. Hàng tồn kho:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
1	Hàng tồn kho	183.656.140.412	124.461.590.150	70.264.249.902
	- Nguyên liệu, vật liệu	72.592.193.429	79.116.303.523	34.628.265.813
	- Công cụ, dụng cụ	153.440.551	135.861.303	106.956.901
	- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.177.128.178	-	747.184.502
	- Thành phẩm	94.910.355.307	44.458.455.931	34.088.675.525
	- Hàng hoá	823.022.947	750.969.393	693.167.161
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(2.278.375.175)	(5.516.222.123)	(1.977.598.671)
	Tổng cộng	181.377.765.237	118.945.368.027	68.286.651.231

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC 9 tháng 2016 của CTCP Thủy Đặc Sản)

10.1.7. Đầu tư tài chính dài hạn và trích lập dự phòng:

Tại thời điểm 31/12/2014, 31/12/2015 và 30/09/2016, Công ty có khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác, cụ thể là góp vốn vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năm Căn số tiền 116.230.738 đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	1,01	0,91
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-HTK)/Nợ ngắn hạn	lần	0,47	0,44
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	75%	73%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	308%	271%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,76	3,15
+ Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân	lần	1,10	1,13
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,55	-2,62
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,31	-11,53
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,79	-2,95

+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	2,78	-2,48
---	---	------	-------

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 của CTCP Thủy Đặc Sản)

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2015 bị âm là do lợi nhuận sau thuế năm 2015 là con số âm.

10.3. Tài sản

Giá trị tài sản cố định tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện cụ thể như trong bảng dưới đây:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Loại tài sản cố định	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL / Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	275.656.798.032	164.132.433.575	59,54
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	162.474.112.826	111.190.938.390	68,44
2	Máy móc và thiết bị	102.350.057.837	48.882.249.888	47,76
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7.875.700.384	2.885.160.199	36,63
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.825.921.985	1.170.397.627	41,42
5	Tài sản cố định hữu hình khác	131.005.000	3.687.471	2,81
II	Tài sản cố định vô hình	26.091.778.833	20.407.247.063	78,21
1	Quyền sử dụng đất	25.636.557.751	20.149.323.300	78,60
2	Chương trình phần mềm	455.221.082	257.923.763	56,66
	Tổng cộng I+II	301.748.576.865	184.539.680.638	61,16

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 của CTCP Thủy Đặc Sản)

✓ Công ty đã dùng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 104.276.180.737 đồng để thế chấp các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

✓ Công ty cũng đã dùng quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

✓ Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không phát sinh các khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

11. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017	
		Tạm tính	% tăng giảm so với năm 2015	Kế hoạch	% tăng giảm so với kế hoạch năm 2016
Vốn điều lệ	108	108	0,0%	108	0,0%
Doanh thu thuần	540	589	9,1%	630	7,0%
Lợi nhuận sau thuế	-14	10	-	15	50,0%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	1,7%	-	2,4%	40,1%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	-	9,3%	-	13,9%	49,3%
Cổ tức*	-	-	-	-	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 36/16/NQ/TĐS/ĐHĐCĐ ngày 14/05/2016 của Seaspimex)

* Cổ tức năm 2016 của Công ty sẽ được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2017 trong thời gian tới

Căn cứ cụ thể để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, tiết kiệm chi phí sản xuất. Tập trung cho công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch.
- Hoàn thiện hệ thống hạch toán kế toán, xây dựng giá thành sản phẩm làm nền tảng cho việc điều hành sản xuất kinh doanh.
- Tập trung phát triển những sản phẩm mà Công ty có thế mạnh như cá hộp, giảm dần các mặt hàng súc sản do không còn lợi thế cạnh tranh
- Đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới tận dụng các nguồn lực sẵn có nhằm tăng giá trị sản phẩm.
- Xây dựng phần mềm quản lý kết nối từ sản xuất đến hạch toán kế toán nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, hạch toán đúng và nhanh chóng, có cơ sở để tinh gọn bộ máy gián tiếp.
- Từng bước nâng cấp máy móc thiết bị, hạ tầng của nhà máy để nâng cao hơn nữa năng suất lao động.
- Tại thời điểm hiện tại, Công ty mới có số liệu chính thức trong 9 tháng đầu năm 2016, doanh thu của công ty đạt 441,5 tỷ đồng, hoàn thành 81,7% kế hoạch doanh thu. Lợi nhuận sau thuế đạt 15,8 tỷ đồng, đạt 158% kế hoạch năm. Với kết quả kinh doanh 9 tháng

đầu năm 2016, công ty dự kiến đạt kế hoạch doanh thu và tiếp tục hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế như đã đề ra.

- Chi tiết một số hợp đồng tiêu biểu của Seaspimex đã và đang thực hiện trong năm 2016 như trong bảng sau:

Stt	Tên khách hàng	Ngày ký	Ngày kết thúc	Sản phẩm/dịch vụ	Giá trị HĐ (tỷ đồng)
1	PEKOREX LTD	19/09/2016		Cá ngừ ngâm dầu	1,4
2	ASIAN UNION EXPOPTING CO.,LTD	24/11/2016		Cá ngừ ngâm dầu	1,0
3	SEAFARM	11/11/2016		Cá ngừ ngâm dầu	2,4
4	ASIAN UNION EXPOPTING CO.,LTD	18/10/2016	22/11/2016	Cá ngừ ngâm dầu	3,5
5	SOCIETE ESLEM TRADING	12/09/2016	10/10/2016	Cá ngừ ngâm dầu	7,5
Tổng cộng					21,8

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản)

12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Seaspimex

Không có

13. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Với định hướng phát triển công ty ngày càng vững mạnh, Công ty đã xây dựng chiến lược và định hướng phát triển Công ty trong thời gian tới như sau:

⚡ Chiến lược sản phẩm – dịch vụ:

- Duy trì phát triển các dòng sản phẩm chủ lực hiện tại để xuất khẩu và tiêu thụ trong nước: các sản phẩm cá hộp, súc sản, đông lạnh, súc xích, đồ hộp.

- Tiếp tục duy trì và mở rộng dịch vụ gia công, tiến tới chú trọng sản phẩm giá trị gia tăng, giảm xuất sản phẩm thô (sơ chế). Trong tương lai sẽ tập trung vào gia công các sản phẩm có giá trị gia tăng nhằm đem lại hiệu quả lợi nhuận cao hơn.

- Nghiên cứu cải tiến mẫu mã và chất lượng sản phẩm liên tục và chuyên biệt cho từng mảng thị trường xuất khẩu và trong nước. Hướng tới sản phẩm dịch vụ đáp ứng được đa số nhu cầu và thị hiếu của khách hàng.

⚡ Chiến lược đầu tư:

- Đầu tư cải tạo và nâng cấp nhà máy chế biến thủy sản Seaspimex và nhà máy thuộc chi nhà Ba Tri.

- Đầu tư nâng cấp công nghệ sản xuất nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về vệ sinh an toàn thực phẩm của các đối tác và khách hàng yêu cầu, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm dịch vụ.

✦ Chiến lược marketing:

- Tiếp tục phát triển mở mở các kênh bán hàng mà công ty đang triển khai thị trường trong nước: Phân phối trực tiếp qua hệ thống các siêu thị, từng bước mở rộng tới các kênh cửa hàng, chợ truyền thống.

- Tập trung quảng bá tiếp thị sản phẩm tại phân khúc thị trường trong nước qua các kênh: Online, mạng xã hội, báo chí, đài phát thanh,..... Quảng bá thông tin hệ thống các kênh phân phối, đại lý phân phối sản phẩm của Seaspimex để khách hàng dễ dàng biết thông tin tiếp cận.

- Xây dựng kênh bán hàng trực tuyến: Trước mặt tập trung qua trang web của công ty (đặt hàng và thanh toán trực tuyến).

- Xây dựng chiến lược định vị sản phẩm với hình ảnh ấn tượng và định vị sâu trong tâm trí người tiêu dùng.

- Xây dựng các chiến lược khuyến mại và chiết khấu phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

✦ Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

- Tập trung xây dựng bộ máy nhân sự chủ chốt có trình độ chuyên môn cao, gắn bó ổn định và lâu dài với Công ty.

- Tuyển dụng thêm nguồn nhân lực chất lượng cao và phù hợp với tình hình của công ty tại từng thời kỳ, các cơ chế tuyển dụng được công khai minh bạch và phổ biến rộng rãi.

- Thường xuyên tổ chức các đợt đào tạo ngắn hạn để nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động.

- Cập nhật và xây dựng các chỉ tiêu đánh giá chuyên môn người lao động nhằm đáp ứng các chiến lược phát triển chung của công ty.

✦ Chiến lược phát triển bên vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

- Hỗ trợ và tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường. Thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện chính sách tiết kiệm, phòng chống lãng phí.

- Tạo công ăn việc làm cho người lao động có thu nhập ổn định và không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động.

- Xây dựng quỹ mái ấm công đoàn, trợ cấp khó khăn cho người lao động bằng cách cho vay không tính lãi, cấp học bổng cho con CBCNV có hoàn cảnh khó khăn nhưng có thành tích học tập tốt. thực hiện các chế độ nhân các dịp lễ tết đầy đủ cho người lao động.

14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Seaspimex

- Công ty có khoản phải thu 4,5 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Đông Hải – nuôi trồng và chế biến thủy sản Sóc Trăng theo quyết định số 06/2013/QĐST-KDTM ngày 18/02/2013 của tòa án tỉnh Sóc Trăng. Số tiền trên Công ty chưa thu hồi được, hiện tại Công ty đã trích lập dự phòng theo quy định, tại thời điểm 31/12/2015 số tiền trích lập dự phòng là 2,25 tỷ đồng, tại thời điểm 30/09/2016 số tiền trích lập dự phòng là 3,75 tỷ đồng.

- Bên cạnh đó, Công ty đã nhận ứng trước theo thỏa thuận hợp tác kinh doanh với Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng 50 tỷ đồng theo văn bản thỏa thuận hợp tác đầu tư số 363/TT_SEAS-HB ngày 29/10/2010. Công ty đã ghi nhận số tiền này vào các năm 2007, 2009 và 2010. Dự án vẫn chưa triển khai, hợp đồng chính thức chưa được hai bên ký. Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng yêu cầu Công ty phải trả số tiền ứng trước và tiền lãi. Đồng thời, Công ty còn công nợ phải thu với Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng liên quan đến khoản tiền thuê khu đất này với số tiền lũy kế đến 31/12/2016 là 29.862.429.489 đồng. tuy nhiên, hiện nay 2 bên vẫn còn đang tranh chấp về vụ việc này.

- Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định số 5716/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 về việc thu hồi lại quyền sử dụng đất 16.379 m² tại số 213 đường Hòa Bình, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh do quá thời hạn triển khai dự án. Ngoài ra, trong quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty phải nộp toàn bộ lợi nhuận phát sinh từ việc cho thuê lại mặt bằng vào ngân sách nhà nước. Công ty đang khiếu nại Quyết định thu hồi này.

259
ĐƠN
CỐ I
THUY
PHỤ

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Thông tin chi tiết về các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tình trạng
1	Lê Công Đức	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên điều hành
2	Nguyễn Văn Liêm	Thành viên Hội đồng quản trị	Thành viên không điều hành
3	Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị	Thành viên không điều hành
4	Cao Thanh Định	Thành viên Hội đồng quản trị	Thành viên không điều hành
5	Trần Phước Thái	Thành viên Hội đồng quản trị	Thành viên không điều hành

1.1. Ông Lê Công Đức – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- o Họ và tên: Lê Công Đức
- o Số CMND: 020612788 do Công an Tp.HCM cấp ngày 21/07/2006
- o Giới tính: Nam
- o Ngày tháng năm sinh: 28/10/1960

- o Nơi sinh: Hà Nội
- o Quốc tịch: Việt Nam
- o Dân tộc: Kinh
- o Địa chỉ thường trú: 121 đường D2, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
- o Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 37608215
- o Trình độ văn hóa: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế
- o Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/1982 – 03/1986	Phòng tăng thiết giáp cục kỹ thuật Quân đoàn 4	Trợ lý
04/1986 – 12/1989	XN Kho vận – Cty XNK Thủy sản	Cán bộ
01/1990 – 09/1992	Cty XNK Thủy sản	Phó quản đốc
10/1992 – 03/1993	Cty XNK Thủy sản	Quản đốc
04/1993 – 04/1995	Cty XNK Thủy sản	Phó phòng nhập khẩu
05/1995 – 09/2001	Cty XNK Thủy sản	Trưởng phòng nhập khẩu
10/2001 – 05/2006	Tổng Cty thủy sản Việt nam	Giám đốc Trung tâm nhập khẩu
06/2006 – 03/2015	Tổng Cty thủy sản Việt nam	Phó Tổng giám đốc
06/2013 – nay	CTCP Thủy Đặc Sản	Chủ tịch HĐQT
04/2015 – nay	CTCP Thủy Đặc Sản	Tổng Giám đốc

- o Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- o Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: không có
- o Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ).
- o Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan tại thời điểm 30/11/2016: 89.100 cổ phần (tương ứng 0,83% vốn điều lệ), trong đó:
 - ✓ Đỗ Thị Hương (vợ): 89.100 cổ phần (tương ứng 0,83% vốn điều lệ)
- o Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- o Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

- o Thù lao và các khoản lợi ích khác: theo quy định của Công ty

1.2. Ông Nguyễn Văn Liêm – Thành viên Hội đồng quản trị

- o Họ và tên: Nguyễn Văn Liêm
- o Số CMND: 023505540 do Công an Tp.HCM cấp ngày 08/05/2015
- o Giới tính: Nam
- o Ngày tháng năm sinh: 19/10/1971
- o Nơi sinh: Bình Định
- o Quốc tịch: Việt Nam
- o Dân tộc: Kinh
- o Địa chỉ thường trú: 42 Xuân Thủy, Thảo Điền, Quận 2, Tp.HCM
- o Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 37608215
- o Trình độ văn hóa: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- o Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1994 – 2000	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Nhân viên tín dụng
1999 – 2004	Công ty TNHH DV Mộc Đức	Giám đốc
2004 – nay	CTCP Thanh Niên	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
2008 – nay	CTCP Vật tư XNK Tân Bình	Chủ tịch HĐQT
10/2014 – nay	CTCP XNK Thủy sản Sài Gòn	Chủ tịch HĐQT
01/2016 – nay	CTCP Thủy Đặc Sản	Thành viên HĐQT

- o Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- o Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
 - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Thanh Niên
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Vật tư XNK Tân Bình
 - Chủ tịch HĐQT CTCP XNK Thủy sản Sài Gòn
- o Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- o Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- o Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- o Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

- o Thù lao và các khoản lợi ích khác: theo quy định của Công ty

1.3. Ông Bùi Tuấn Ngọc – Thành viên Hội đồng quản trị

- o Họ và tên: Bùi Tuấn Ngọc
- o Số CMND: 022762898 do Công an Tp.HCM cấp ngày 07/12/2004
- o Giới tính: Nam
- o Ngày tháng năm sinh: 21/02/1965
- o Nơi sinh: Tiền Giang
- o Quốc tịch: Việt Nam
- o Dân tộc: Kinh
- o Địa chỉ thường trú: Số 06 Đặng Tất, P.Tân Định, Quận 1, Tp.HCM
- o Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 37608215
- o Trình độ văn hóa: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngoại thương, Kỹ sư xây dựng
- o Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1988 – 1992	Xí nghiệp XD CB Seaprodex – Bộ Thủy sản	Cán bộ
1992 – 1993	Liên hiệp DV SX TM Tp.HCM	Cán bộ
1993 – 1994	TT TMLD Việt – Xô Tp.HCM (Rosvietimpex)	Cán bộ
1994 – 1996	Công ty TNHH TM-XD-SX Thiên Hải	Giám đốc
1996 – 01/2008	Công ty TNHH TM-XD-SX Thiên Hải	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
2006 – 03/2008	CTCP Transimex – Saigon	Thành viên HĐQT
05/2007 – nay	CTCP Đầu tư Vina	Chủ tịch HĐQT
02/2008 – nay	Công ty TNHH TM-XD-SX Thiên Hải	Giám đốc
	CTCP Transimex – Saigon	Chủ tịch HĐQT
	CTCP Đầu tư Toàn Việt	Chủ tịch HĐQT
10/2004 – nay	CTCP In và Thương mại Vina	Chủ tịch HĐQT
2005 - nay	CTCP Thủy Đặc Sản	Thành viên HĐQT

- o Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Vina
 - Giám đốc Công ty TNHH TM-XD-SX Thiên Hải
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Transimex – Saigon
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Toàn Việt
 - Chủ tịch HĐQT CTCP In và Thương mại Vina
- Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm 30/11/2016: 278.890 cổ phần (tương ứng 2,58% vốn điều lệ)
 - ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 278.890 cổ phần (tương ứng 2,58% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan tại thời điểm 30/11/2016: 531.600 cổ phần (tương ứng 4,92% vốn điều lệ)
 - ✓ Nguyễn Thanh Huyền (vợ): 21.600 cổ phần (tương ứng 0,2 % vốn điều lệ)
 - ✓ Công ty cổ phần Đầu tư Vina (Chủ tịch HĐQT Cty): 510.000 cổ phần (tương ứng 4,72% vốn điều lệ).
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty: không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: theo quy định của Công ty

1.4. Ông Cao Thanh Định – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Cao Thanh Định
- Số CMND: 022863763 do Công an Tp.HCM cấp ngày 10/03/2014
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/04/1972
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: B68 Nam Thông 2, Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Tp.HCM
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 37608215
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
-----------	--------------	---------

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1995 – 2000	Ngân hàng Deutsche Bank	Giám đốc tín dụng
2001 – 2002	Ngân hàng United Overseas Bank	Giám đốc Quan hệ khách hàng
2002 – 2003	BHNT Bảo Minh – CMG	Trưởng phòng kinh doanh
2003 – 2007	Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á	Giám đốc Đầu tư dịch vụ tài chính
2007 – 2014	Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á	Tổng Giám đốc
2014 – 2015	CTCP Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam	Tổng Giám đốc
2015 – nay	Công ty cổ phần chứng khoán Phương Đông	Tổng Giám đốc
2008 - Nay	CTCP Thủy Đặc Sản	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông
- Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm 30/11/2016: 1.120.000 cổ phần (tương ứng 10,37% vốn điều lệ)
 - ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 1.120.000 cổ phần (tương ứng 10,37% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty: không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: theo quy định của Công ty

1.5. Ông Trần Phước Thái – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Trần Phước Thái
- Số CMND: 200624493 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 27/03/2010
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/04/1963
- Nơi sinh: Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- o Địa chỉ thường trú: 25 Hùng Vương, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
- o Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 37608215
- o Trình độ văn hóa: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính
- o Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/1986 – 10/2005	Công ty thủy sản Khu vực II	Giám đốc
11/2005 – nay	Tổng Công ty thủy sản Việt nam	Trưởng phòng Quản lý vốn
04/2016 – nay	CTCP Thủy Đặc Sản	Thành viên HĐQT

- o Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- o Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Trưởng phòng Quản lý vốn Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam
- o Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm 30/11/2016: 1.296.000 cổ phần (tương ứng 12% vốn điều lệ)
 - ✓ Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty thủy sản Việt Nam: 1.296.000 cổ phần (tương ứng 12% vốn điều lệ)
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- o Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- o Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- o Lợi ích liên quan đến Công ty: không có
- o Thù lao và các khoản lợi ích khác: theo quy định của Công ty

2. Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thành Trung	Trưởng ban Kiểm soát
2	Nguyễn Kim Hậu	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Lê Thị Tuyền	Thành viên Ban Kiểm soát

2.1. Ông Nguyễn Thành Trung – Trưởng Ban Kiểm soát

- o Họ và tên: Nguyễn Thành Trung
- o Số CMND: 023675324 do Công an Tp.HCM cấp ngày 03/12/2010
- o Giới tính: Nam

- o Ngày tháng năm sinh: 24/03/1981
- o Nơi sinh: Hải Dương
- o Quốc tịch: Việt Nam
- o Dân tộc: Kinh
- o Địa chỉ thường trú: 41 đường 20, KP4, P. Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, Tp.HCM
- o Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 37608215
- o Trình độ văn hóa: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán – kiểm toán, Cử nhân Luật kinh doanh
- o Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
09/2003 – 04/2010	CTCP XNK Thủy sản Sài Gòn	NV Kế toán
05/2010 – 03/2011	Ngân hàng TMCP Quân đội CN Sài Gòn	NV tín dụng
04/2011 – 04/2012	CT TNHH Châu Thạnh Phát	Kế toán trưởng
05/2012 – 10/2012	CTCP Nông tín AG	Kế toán trưởng
11/2012 – 05/2013	Tổng Cty Thủy sản Việt Nam	Chuyên viên P. QL vốn
05/2013 – nay	CTCP Công nghiệp thủy sản	Thành viên BKS
06/2013 – nay	Tổng Cty Thủy sản Việt Nam - CTCP	Chuyên viên P.TC-KT
2013 – nay	CTCP Thủy Đặc Sản	Trưởng BKS

- o Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát
- o Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
 - ✓ Thành viên BKS CTCP Công nghiệp thủy sản
 - ✓ Chuyên viên phòng TC-KT Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP
- o Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm 30/11/2016: 648.000 cổ phần (tương ứng 6% vốn điều lệ)
 - ✓ Đại diện sở hữu cho Tổng Cty thủy sản Việt Nam - CTCP: 648.000 cổ phần (tương ứng 6% vốn điều lệ)
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- o Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- o Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- o Lợi ích liên quan đến Công ty: không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: theo quy định của Công ty

2.2. Ông Nguyễn Kim Hậu – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Kim Hậu
- Số CMND: 301108051 do Công an Long An cấp ngày 04/06/1999
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 12/05/1984
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tân Lập, Tân Thạnh, Long An
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 37608215
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2005 – 2007	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ VSC	Kế toán tổng hợp
2007 – 2009	CTCP Đầu tư Vina	Kế toán tổng hợp
2009 – nay	CTCP Đầu tư Vina	Kế toán trưởng
2012 – nay	CTCP In và Thương mại Vina	Kế toán trưởng
2013 – nay	CTCP Transimex Sài Gòn	Thành viên BKS
2013 – nay	CTCP Thủy Đặc Sản	Thành viên BKS

- Chức vụ công tác tại Công ty: **Thành viên Ban Kiểm soát**
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
 - Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Vina
 - Kế toán trưởng CTCP In và Thương mại Vina
 - Thành viên BKS CTCP Transimex Sài Gòn
- Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có

- o Lợi ích liên quan đến Công ty: không có
- o Thù lao và các khoản lợi ích khác: theo quy định của Công ty

2.3. Bà Lê Thị Tuyền – Thành viên Ban Kiểm soát

- o Họ và tên: Lê Thị Tuyền
- o Số CMND: 125071860 do Công an Bắc Ninh cấp ngày 24/08/1999
- o Giới tính: Nữ
- o Ngày tháng năm sinh: 11/05/1982
- o Nơi sinh: Bắc Ninh
- o Quốc tịch: Việt Nam
- o Dân tộc: Kinh
- o Địa chỉ thường trú: Châu Phong, Quê Võ, Bắc Ninh
- o Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 37608215
- o Trình độ văn hóa: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán – kiểm toán
- o Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2005 – 2006	Công ty không gian Ba Chiều	Kế toán tổng hợp
2006 – 2013	Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á	Trưởng ban kiểm soát nội bộ
2012 – 2013	CTCP cấp nước Gia định	Thành viên BKS
2013 – nay	CTCP Thủy Đặc Sản	Thành viên BKS

- o Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- o Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- o Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- o Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- o Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- o Lợi ích liên quan đến Công ty: không có
- o Thù lao và các khoản lợi ích khác: theo quy định của Công ty



3. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

Thành phần cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Công Đức	Tổng Giám đốc
2	Lê Minh Bằng	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
4	Đặng Thị Ngọc Bích	Kế toán trưởng

3.1. Ông Lê Công Đức – Tổng Giám đốc

Thông tin chi tiết xem trong mục **Hội đồng quản trị**.

3.2. Ông Lê Minh Bằng - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Lê Minh Bằng
- Số CMND: 022722265 do Công an Tp.HCM cấp ngày 16/06/2006
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/04/1966
- Nơi sinh: Tiền Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: RR1 Ter Hồng Lĩnh, P.15, Quận 10, Tp.HCM.
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 37608215
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1989 - 2002	Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – XN Kho vận	Cán bộ
2002 - 2006	Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – XN Kho vận	Phó Giám đốc XN
2006 - 2015	CTCP XNK Thủy sản Sài Gòn	Phó Tổng Giám đốc
2015 – nay	CTCP Thủy Đặc Sản	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc

- o Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- o Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- o Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- o Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- o Lợi ích liên quan đến Công ty: không có
- o Thù lao và các khoản lợi ích khác: theo quy định của Công ty

3.3. Ông Nguyễn Minh Tiến - Phó Tổng Giám đốc

- o Họ và tên: Nguyễn Minh Tiến
- o Số CMND: 020425237 do Công an Tp.HCM cấp ngày 11/11/2003
- o Giới tính: Nam
- o Ngày tháng năm sinh: 14/12/1959
- o Nơi sinh: Hà Nội
- o Quốc tịch: Việt Nam
- o Dân tộc: Kinh
- o Địa chỉ thường trú: 142/29 Bạch Đằng, P.24, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM.
- o Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 37608215
- o Trình độ văn hóa: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- o Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1982 - 1985	Xí nghiệp Dệt số 8	Cán bộ
1985 - 1987	Thi hành NVQS	
1987 - 1990	Công ty dịch vụ Q10	Cán bộ
1990 - 1996	Dịch vụ tư nhân	
1996 - 2001	Công ty XNK Thủy sản Sài Gòn	Nhân viên
2001 - 2003	Tổng Công ty thủy sản Việt Nam	Cán bộ
2003 – 6/2012	Tổng Công ty thủy sản Việt Nam	Phó phòng Kế hoạch
6/2012 – 5/2015	Tổng Công ty thủy sản Việt Nam	Giám đốc CN Lâm Đồng
05/2015 - nay	CTCP Thủy Đặc Sản	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty: không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Công ty

3.4. Ông/Bà Đặng Thị Ngọc Bích – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Đặng Thị Ngọc Bích
- Số CMND: 021602637 do Công an Tp.HCM cấp ngày 23/02/2011
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 26/02/1964
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 312/6 Tôn Đản, Phường 4, Quận 4, Tp.HCM
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 37608215
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1983 - 2003	CTCP Thủy Đặc Sản	Nhân viên
2003 - 2005	CTCP Thủy Đặc Sản	Phó phòng KTTC
2005 – nay	CTCP Thủy Đặc Sản	Kế toán trưởng

- Chức vụ công tác tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
- Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan tại thời điểm 30/11/2016: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có

- o Lợi ích liên quan đến Công ty: không có
- o Thù lao và các khoản lợi ích khác: theo quy định của Công ty

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

- Công ty đã xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế tổ chức và quản lý tài chính, nội quy lao động, hệ thống thang bảng lương, quy chế về công bố thông tin. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục hoàn thiện, cập nhật và bổ sung nội dung các quy chế hoạt động nhằm đảm bảo công ty hoạt động hiệu quả, công khai, minh bạch. Đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, công ty và toàn thể người lao động trong Công ty. Các quy chế, quy trình và quy định phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp và quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

- Tiếp tục tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo đúng quy định tại thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

- Tiếp tục tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng theo đúng quy định tại thông tin 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

- Sau khi công ty được chấp thuận giao dịch chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty tuân thủ đầy đủ các quy chế do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành trong hoạt động công bố thông tin và các yêu cầu khác có liên quan.

IV. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015;
3. Báo cáo tài chính 9 tháng 2016 của Công ty tự lập.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
PHƯƠNG ĐÔNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN



Tổng Giám đốc

Nguyễn Việt Minh Phương



Chủ tịch HĐQT

LÊ CÔNG ĐỨC